

theo kịp công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, căn cứ vào nghị quyết của Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 29 tháng 7 năm 1959, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Bộ Nông lâm phối hợp với các Bộ, các ngành liên quan, nghiên cứu những vấn đề rất cần thiết sau đây:

— Đường lối công tác và hướng phát triển lâm nghiệp dài hạn, nhằm làm cho rừng rú nước ta ngày càng giàu và phong phú hơn.

— Năm tình hình rừng để xác định trữ lượng và sản lượng hàng năm; chủ trương định canh ở miền núi; quy hoạch sử dụng đất đai, để xác định những khu vực dành cho kinh doanh lâm nghiệp dài hạn, nhằm xây dựng lâm phần sản xuất tương đối ổn định; lập quy hoạch kinh doanh rừng cho mỗi cấp tỉnh, xã, xí nghiệp.

— Chấn chỉnh công tác quản lý rừng chú trọng mấy vấn đề: phân cấp quản lý rừng cho các cấp hành chính, đặc biệt cho các xã; giao rừng và tổ chức việc kinh doanh về lâm nghiệp cho các đơn vị kinh doanh sản xuất như nông trường, xí nghiệp, hợp tác xã; kiện toàn tổ chức lâm nghiệp các cấp thành cơ quan kinh doanh toàn diện về rừng.

— Các chính sách chế độ bảo vệ rừng và sơn thú, trồng cây, gây rừng, khai thác, sử dụng gỗ, chính sách giá cả, chế độ sử dụng tiền bán lâm sản vào việc tu bổ, cải tạo rừng và kiến thiết đường sá trong rừng.

— Kế hoạch xây dựng và phát triển lực lượng lao động phục vụ sản xuất lâm nghiệp.

— Kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản, đảm bảo tăng tỷ lệ sử dụng gỗ mềm; kế hoạch mở mang đường sá nhằm tạo điều kiện khai thác những rừng xa; kế hoạch cải tiến và xây dựng khoa học kỹ thuật lâm nghiệp.

— Xây dựng lâm luật đi đôi với tăng cường tuyên truyền, giáo dục nhân dân.

Cần phải căn cứ vào điều kiện và khả năng, chọn vấn đề phải nghiên cứu trước, giải quyết những vấn đề thiết thực và cấp bách nhất, có trọng điểm đối với từng vấn đề và từng nơi, phải biết nhìn xa, đồng thời phải bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ cấp bách.

Kết quả nghiên cứu phải tiến đến quy định thành chính sách chế độ cụ thể, rồi phải có kế hoạch phổ biến, tuyên truyền, tổ chức vận động thực hiện cho có kết quả thiết thực.

2. Đồng thời phải tích cực đẩy mạnh thực hiện kế hoạch trước mắt, theo phương châm tích cực bảo vệ rừng, đẩy mạnh phong trào trồng cây gây rừng, khai thác hợp lý và tiết kiệm sử dụng.

Xây dựng lâm nghiệp xã hội chủ nghĩa là một công tác khó khăn, phức tạp. Bộ Nông lâm, các ngành, các Ủy ban Hành chính các cấp có liên

quan cần phải rất cố gắng khắc phục mọi khó khăn, nhọc nhằn, khuyết điểm để đẩy công tác lâm nghiệp tiến nhanh, tiến mạnh.

Hà nội ngày 8 tháng 9 năm 1959

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHẠM HÙNG

## LIÊN BỘ

### TÀI CHÍNH — GIAO THÔNG BƯU ĐIỆN — NGÂN HÀNG QUỐC GIA

**THÔNG TƯ** số 362-TDCTN ngày 27-8-1959 về việc thi hành quyết định số 054-TTg ngày 19-2-1959 của Thủ tướng Chính phủ đối với các xí nghiệp quốc doanh giao thông vận tải và bưu điện.

Quyết định số 054-TTg ngày 19-2-1959 của Thủ tướng Chính phủ đã ấn định các nguyên tắc:

Về cấp vốn lưu động đối với các xí nghiệp quốc doanh công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và bưu điện;

Về việc định mức tiêu chuẩn vốn lưu động cho các xí nghiệp quốc doanh;

Về việc Ngân hàng Quốc gia cho vay trong định mức vốn lưu động.

Quyết định số 054-TTg nói trên nhằm hết sức tiết kiệm vốn cho Nhà nước, đồng thời giúp đỡ các xí nghiệp giải quyết những khó khăn về vốn trong quá trình thực hiện kế hoạch, góp phần củng cố thêm một bước chế độ hạch toán kinh tế để hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước.

Thông tư Liên bộ Tài chính — Giao thông và Bưu điện — Ngân hàng Quốc gia này quy định cụ thể những nguyên tắc và biện pháp chủ yếu để hướng dẫn các Ủy ban Hành chính, các xí nghiệp quốc doanh giao thông và bưu điện, các Chi nhánh Ngân hàng địa phương thi hành.

### I. MẤY NGUYÊN TẮC CHUNG ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN, TRONG VIỆC CẤP VỐN LƯU ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC VÀ TRONG VIỆC CHO VAY TRONG ĐỊNH MỨC VỐN LƯU ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG QUỐC GIA

Bộ Giao thông và Bưu điện có 6 loại xí nghiệp:

1. Xí nghiệp vận tải như: Đường sắt, Vận tải sông biển, Vận tải ô tô.

2. Xi nghiệp hải cảng như: Cảng Hải phòng, Cảng Bến thủy, Công ty Đại lý tàu biển.

3. Xi nghiệp bưu điện.

4. Xi nghiệp công nghiệp (sửa chữa và sản xuất).

5. Đơn vị cung cấp vật liệu (Đường sắt, Bưu điện, Đường thủy bộ, đều có đơn vị cung cấp vật liệu).

6. Xi nghiệp bao thầu như: Ty tàu quốc, Ty công trình đường thủy, Cục công trình đường sắt, Đội công trình bưu điện, Công trường 136 của đường bộ.

**A. Tỷ lệ vốn Nhà nước cấp và vốn vay của Ngân hàng quy định như sau:**

Tùy theo tính chất kinh doanh, tình hình dự trữ vật tư và tình hình thanh toán của từng loại xí nghiệp, sau khi xét duyệt vốn xong, Bộ Giao thông và Bưu điện sẽ phối hợp với Bộ Tài chính và Ngân hàng Quốc gia để quy định tỷ lệ cấp vốn của Nhà nước và cho vay của Ngân hàng Quốc gia cho các loại xí nghiệp khác nhau: như sản xuất công nghiệp, vận doanh, hải cảng, đơn vị cung cấp vật liệu, bưu điện.

Đối với các xí nghiệp đã được duyệt vốn lưu động năm 1959 rồi, tạm thời Bộ quy định tỷ lệ 70% vốn Nhà nước cấp và 30% vốn vay Ngân hàng trong định mức. Tỷ lệ tạm thời về cấp và vay vốn Ngân hàng đối với các xí nghiệp này sẽ điều chỉnh vào dịp điều chỉnh kế hoạch cuối năm. Còn xí nghiệp nào chưa được xét duyệt vốn lưu động năm 1959 thì khi nào xét duyệt, Bộ Giao thông và Bưu điện sẽ quy định ngay tỷ lệ chính thức về phần tham gia cho vay của Ngân hàng đối với xí nghiệp đó.

Tỷ lệ cho vay của Ngân hàng trong định mức vốn lưu động là số chênh lệch giữa tỷ lệ vốn Nhà nước cấp cho xí nghiệp với mức vốn lưu động được duyệt. Nếu Nhà nước cấp 70% thì Ngân hàng cho vay 30%, nhưng trong 70% Nhà nước cấp phải trừ các khoản nợ định mức được duyệt.

Phần vốn cho vay của Ngân hàng Quốc gia, Nhà nước sẽ chuyển giao cho Ngân hàng để cho vay theo nguyên tắc: Ngân hàng tham gia một phần trong định mức vốn lưu động và theo biện pháp cho vay trong định mức vốn lưu động do Ngân hàng Quốc gia quy định.

Đối với các xí nghiệp bao thầu như Ty tàu quốc, Ty công trình đường thủy, Cục công trình đường sắt, đội công trình bưu điện và công trường 136 của đường bộ, là những xí nghiệp xây lắp có quan hệ với Ngân hàng Kiến thiết, việc tham gia cho vay vốn lưu động trong định mức và cho vay dự trữ vật tư trên mức tiêu chuẩn sẽ do Ngân hàng Kiến thiết phụ trách. Bộ Tài chính và Bộ Giao thông Bưu điện quy định thể lệ cho vay, dựa trên tinh thần quyết định số 054-TTg ngày 19-2-1959 của Thủ tướng Chính phủ.

## B. Vốn vay trên định mức

Ngoài số vốn cần vay trong định mức, nếu xí nghiệp có những dự trữ vật tư trên mức tiêu chuẩn hay nhu cầu tạm thời, Ngân hàng quốc gia sẽ cho vay trên định mức theo những thể lệ và biện pháp cho vay ngắn hạn đã ban hành ngày 21-8-1957 và ngày 22-11-1958 đối với công nghiệp quốc doanh và vận tải quốc doanh.

## C. Nguyên tắc chung về định mức vốn lưu động

1. Nguyên tắc định mức vốn lưu động cho các xí nghiệp quốc doanh giao thông vận tải và bưu điện là phải căn cứ vào mức vốn lưu động tối thiểu cần thiết cho hoạt động bình thường của xí nghiệp để định mức vốn lưu động bình quân cả năm.

2. Đối với chi phí kinh doanh thời vụ, phải căn cứ vào nhu cầu kế hoạch của quý thấp nhất trong năm để cấp vốn.

3. Đối với những vật tư mà xí nghiệp cần dự trữ trên mức để đảm bảo hoạt động cho những thời gian không thể cung cấp được do thời tiết như mưa, bão, lụt v.v... xí nghiệp sẽ vay vốn của Ngân hàng Quốc gia theo nhu cầu tạm thời.

4. Đối với các xưởng đóng tàu, về « sản phẩm đang làm » Nhà nước chỉ cấp vốn lưu động định mức cho chu kỳ sản xuất đợt đầu; về « sản phẩm hoàn thành » chỉ cấp vốn định mức cho thời gian từ khi giao sản phẩm cho đến khi làm xong thủ tục giấy tờ đòi nợ (hóa đơn). Khi làm xong thủ tục giấy tờ mà xưởng chưa đòi được nợ ở khách hàng, nếu cần vốn thì xưởng sẽ vay Ngân hàng theo thể lệ cho vay thanh toán.

5. Về khoản tiền tàu liên vận quốc tế và các cước phí hải cảng, tạm thời Nhà nước cấp vốn cho đến khi có những điều lệ mới sửa đổi lại các hình thức thanh toán giữa các cơ quan vận tải nước ta với các nước bạn.

6. Về khoản thanh toán cước vận tải, sản phẩm làm dở và hoàn thành, Bộ Giao thông và Bưu điện sẽ nghiên cứu, bổ sung thể lệ thanh toán để tiến tới xét lại việc cấp vốn lưu động định mức cho sản phẩm làm dở và hoàn thành, nhất là đối với việc định mức vốn cho 4 xưởng đóng tàu Hải phòng.

## II. MẤY VẤN ĐỀ CÓ QUAN HỆ ĐẾN VIỆC CẤP VỐN VÀ CHO VAY ĐỐI VỚI CÁC XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH

1. Đối với Tổng cục đường sắt và Tổng cục bưu điện là đơn vị kinh doanh tổng hợp, hạch toán kinh tế độc lập, Bộ Giao thông và Bưu điện căn cứ vào tỷ lệ toàn bộ số vốn được duyệt để chuyển vốn theo quyết định của Thủ tướng chính phủ.

Đối với các xí nghiệp phụ thuộc đã hạch toán kinh tế của Tổng cục bưu điện và Tổng cục đường sắt thì Tổng cục duyệt tỷ lệ vốn và báo cho Ngân hàng Quốc gia biết để tham gia cho vay hoặc rút vốn lưu động trong định mức.

2. Đối với các xí nghiệp đang hoạt động mà vốn lưu động hiện có nhiều hơn vốn được cấp trong năm kế hoạch, các xí nghiệp ấy phải chuyển vốn bằng 2 hình thức:

a) Phần vốn tham gia của Ngân hàng để cho vay trong định mức thì xí nghiệp làm giấy nộp cho Ngân hàng địa phương để chuyển về Ngân hàng trung ương.

b) Phần vốn thừa thì xí nghiệp nộp tiền cho Bộ chủ quản để điều chỉnh cho nơi khác, hoặc nộp vào ngân sách Nhà nước vào khoản «hoàn vốn».

3. Bộ Giao thông và Bưu điện hay Tổng cục sẽ ra quyết định cho từng xí nghiệp, đồng thời gửi cho Bộ Tài chính, Ngân hàng trung ương và Ngân hàng địa phương để tiến hành rút vốn của xí nghiệp như trên. Việc này sẽ làm theo phương pháp sau đây:

— Nếu xí nghiệp có đủ tiền thì Ngân hàng địa phương sẽ thu phần vốn tham gia của Ngân hàng và chuyển cho Ngân hàng trung ương để ghi vào tài khoản 1 — 07 «vốn được cấp để cho vay xí nghiệp trong định mức tiêu chuẩn vốn lưu động». Sau đó, nếu xí nghiệp cần vay trong định mức thì Ngân hàng địa phương sẽ cho vay theo kế hoạch đã được duyệt.

— Nếu xí nghiệp không có đủ tiền nộp vì tiền còn nằm trong vật tư chưa được giải phóng thì xí nghiệp sẽ tới Ngân hàng địa phương làm giấy xin vay số tiền cần nộp (tức là số tiền mà Bộ Giao thông và Bưu điện đã quyết định rút để chuyển cho Ngân hàng), rồi lại nộp ngay vào Ngân hàng để chi nhánh Ngân hàng địa phương chuyển lên Ngân hàng trung ương. Hai việc vay và nộp phải tiến hành ngay một lúc, để hợp lý hóa thủ tục kế toán của Ngân hàng. Đây chỉ là một việc làm qua giấy tờ, chuyển khoản, nhưng đương nhiên từ lúc này trở đi, xí nghiệp đã mắc nợ Ngân hàng địa phương, xí nghiệp sẽ trả dần theo điều kiện đã thỏa thuận giữa xí nghiệp và Ngân hàng địa phương trong giấy nhận nợ. Khi có nhu cầu cần thiết, xí nghiệp sẽ vay lại trong phạm vi tham gia của Ngân hàng trong định mức vốn lưu động.

4. Phần vốn thừa, thiếu của xí nghiệp sẽ giải quyết như sau:

a) Khi Bộ Giao thông và Bưu điện duyệt mức vốn theo tỷ lệ rồi, xí nghiệp thừa vốn cần lấy tiền và hiện vật dùng được cho đủ số vốn theo mức tỷ lệ vốn mà Nhà nước cấp cho xí nghiệp. Nếu còn thừa bằng tiền thì xí nghiệp sẽ nộp về Bộ để Bộ điều chỉnh như đã nói trên. Nếu còn thừa bằng hiện vật thì cần phân ra 2 loại:

— Loại chưa dùng để riêng, ghi vào tài khoản riêng biệt, khi dùng tới coi như mua lại và nộp số tiền mua về Bộ.

— Loại ứ đọng không dùng đến thì đề nghị Bộ chủ quản có kế hoạch điều phối cho nơi khác. Loại này cũng cần phải vào một tiêu khoản riêng để theo dõi.

b) Đối với xí nghiệp thiếu vốn, sau khi đã được duyệt mức vốn theo tỷ lệ rồi, số vốn còn thiếu sẽ do Bộ Giao thông và Bưu điện điều động thêm cho đủ mức tỷ lệ vốn lưu động mà Nhà nước cấp cho xí nghiệp.

Phần vốn cấp thêm này cho xí nghiệp có thể bằng tiền hay bằng hiện vật có thể dùng được để đủ số tỷ lệ vốn Nhà nước cấp cho xí nghiệp. Ngoài ra phần vốn cho vay trong định mức sẽ cấp bằng tiền và chuyển đến Ngân hàng trung ương ghi vào tài khoản 1-07 «vốn được cấp để cho xí nghiệp vay trong định mức vốn lưu động». Nếu Bộ chủ quản điều động không đủ phần vốn Nhà nước cấp cho xí nghiệp và phần tham gia cho vay của ngân hàng, thì Bộ Tài chính sẽ cấp thêm.

### III. MẤY ĐIỂM CẦN CHÚ Ý THI HÀNH

1. Các xí nghiệp quốc doanh thuộc Bộ Giao thông và Bưu điện, các chi nhánh Ngân hàng địa phương cần phối hợp mật thiết, tổ chức nghiên cứu thống kê tư này, đặt kế hoạch thi hành một cách tích cực dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng bộ và Chính quyền địa phương. Việc đặt quan hệ tin dụng của Ngân hàng với các xí nghiệp đã được duyệt kế hoạch thu chi tài vụ phải căn bản hoàn thành trong quý 3-1959.

2. Làm việc theo đường lối quần chúng, dựa vào công nhân và Đảng ủy xí nghiệp, phổ biến giải thích cho quần chúng công nhân, cán bộ quản trị chính sách tiết kiệm vốn Nhà nước để thực hiện tốt quyết định mới về việc Ngân hàng quốc gia cho vay trong định mức tiêu chuẩn vốn lưu động; nhận rõ nhiệm vụ giám đốc của Ngân hàng quốc gia, thông qua việc phục vụ tốt các công tác cho vay, thanh toán không dùng tiền mặt, và quản lý tiền mặt, giải quyết những khó khăn về vốn của xí nghiệp, bảo đảm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh của xí nghiệp.

3. Hết sức tránh lối làm việc quan liêu, không hiểu rõ tình hình hoạt động kinh doanh và tài vụ của xí nghiệp. Quan hệ giữa các xí nghiệp, các cơ quan kinh tế và Nhà nước là quan hệ tương trợ xã hội chủ nghĩa. Phải phát huy tinh thần phục vụ xí nghiệp, vì lợi ích của sản xuất và giao lưu hàng hóa trước hết cần đi sâu, đi sát, cố gắng đơn giản hóa thủ tục, giấy tờ. Các xí nghiệp cần hết sức giúp đỡ cán bộ Ngân hàng quốc gia trong công tác cho vay và tìm hiểu tình hình kinh doanh, tài vụ.

Các xí nghiệp gửi các tài liệu như bảng tổng kết tài sản, báo cáo hàng tháng, quý cho Chi nhánh Ngân hàng địa phương trực tiếp cho vay; Bộ, Tổng cục gửi cho Ngân hàng trung ương để theo dõi, góp ý kiến nhằm tăng cường chế độ hạch toán kinh tế.

Thông tư này chỉ nêu lên những điểm lớn có tính chất nguyên tắc. Mỗi Bộ tùy theo sự cần thiết sẽ cụ thể hóa thêm chi tiết, nội dung của thông tư này cho ngành mình.

Hà nội ngày 27 tháng 8 năm 1959

|                |                        |                |
|----------------|------------------------|----------------|
| K.T. Bộ trưởng | K.T. Bộ trưởng         | Tổng giám đốc  |
| Bộ Tài chính   | Bộ Giao thông Bưu điện | Ngân hàng Quốc |
| Thủ trưởng     | Thủ trưởng             | gia Việt nam   |
| TRINH VĂN BÌNH | NGUYỄN NHƯ QUỶ         | LÊ VIỆT LƯỢNG  |

## NÔNG LÂM — NGÂN HÀNG QUỐC GIA

**THÔNG TƯ số 267 — LB ngày 6-9-1959**  
về việc thi hành quyết định số  
054-TTg ngày 19-2-1959 của Thủ  
tướng Chính phủ về nguyên tắc cấp vốn  
lưu động đối với các xí nghiệp quốc  
doanh công nghiệp, lâm nghiệp, nông  
nghiệp, giao thông vận tải và bưu điện

Quyết định số 054-TTg ngày 19-2-1959 của Thủ tướng Chính phủ đã ấn định nguyên tắc về định mức vốn, cấp vốn lưu động đối với các xí nghiệp quốc doanh công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và bưu điện; về việc Ngân hàng Quốc gia cho vay trong định mức vốn lưu động.

Quyết định nói trên nhằm hết sức tiết kiệm vốn cho Nhà nước, đồng thời giúp đỡ cho các xí nghiệp giải quyết những khó khăn về vốn trong quá trình thực hiện kế hoạch, góp phần củng cố thêm một bước chế độ hạch toán kinh tế, để hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước.

Thông tư này của Liên bộ Nông lâm — Ngân hàng quy định cụ thể những nguyên tắc và biện pháp chủ yếu hướng dẫn các nông trường, chi nhánh lâm khẩn và các xí nghiệp quốc doanh khác thuộc Bộ Nông lâm và các Chi nhánh Ngân hàng địa phương thi hành.

### I. MẤY NGUYÊN TẮC CHUNG TRONG VIỆC CẤP VỐN LƯU ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC VÀ VIỆC CHO VAY TRONG ĐỊNH MỨC CỦA NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

1. Đối với tất cả các nông trường quốc doanh, chi nhánh lâm khẩn và các xí nghiệp khác thuộc

ngành Nông lâm, sau khi đã được xét duyệt vốn lưu động định mức, Nhà nước chỉ cấp tối đa 70%. Số còn lại 30%, Nhà nước sẽ chuyển giao cho Ngân hàng cho vay, coi như cho vay trong định mức tiêu chuẩn vốn lưu động.

2. Ngoài ra, nếu nông trường, chi nhánh lâm khẩn và các xí nghiệp khác cần có dự trữ trên định mức tiêu chuẩn vốn lưu động thì Ngân hàng quốc gia sẽ cho vay trên định mức theo thể lệ và biện pháp cho vay ngắn hạn của Ngân hàng.

Thi hành 2 nguyên tắc trên sẽ có mấy trường hợp sau:

a) Trường hợp đã được cấp đủ hoặc thiếu chút ít vốn lưu động định mức.

Trường hợp này các nông trường quốc doanh, các chi nhánh lâm khẩn, các xí nghiệp khác chỉ được giữ lại 70%, còn số thừa thì hoàn lại Bộ Tài chính để Bộ Tài chính chuyển cho Ngân hàng Quốc gia cho vay trong định mức. Đồng thời các nông trường, chi nhánh lâm khẩn và các xí nghiệp cũng ký giấy nhận vay của chi nhánh Ngân hàng địa phương 30% trong định mức để có vốn hoạt động. Việc hoàn vốn thừa trên 70% trong định mức và vay 30% trong định mức phải tiến hành một lúc để hợp lý hóa thủ tục kế toán của Ngân hàng.

b) Trường hợp chưa được cấp đủ vốn lưu động định mức.

Trong trường hợp này thì Bộ Nông lâm cũng chỉ cấp thêm cho đủ 70% trong định mức, còn lại 30% trong định mức thì Bộ Tài chính, hoặc Bộ Nông lâm chuyển cho Ngân hàng, các nông trường, chi nhánh lâm khẩn và các xí nghiệp khác cũng ký giấy vay nợ Ngân hàng như trường hợp trên.

c) Trường hợp vốn lưu động tự có đã quá vốn lưu động định mức được duyệt cho năm 1959.

Trường hợp này các nông trường, chi nhánh lâm khẩn và các xí nghiệp khác phải nộp số vốn thừa trên định mức cho Cục chủ quản hoặc Bộ Nông lâm. Số vốn còn lại trong định mức được duyệt thì cũng nộp 30% trong định mức cho Bộ Tài chính để Bộ Tài chính chuyển cho Ngân hàng và vay 30% trong định mức của chi nhánh Ngân hàng địa phương như hai trường hợp trên.

3. Ngoài ra các nông trường, chi nhánh lâm khẩn, các xí nghiệp khác phải nộp đầy đủ và đúng kỳ hạn các khoản khấu hao, tiền bán tài sản cố định cho dự toán Nhà nước và các khoản lợi nhuận, vốn lưu động thừa cho Bộ Nông lâm.

Các chi nhánh Ngân hàng địa phương phối hợp chặt chẽ với các nông trường quốc doanh, các xí nghiệp lâm khẩn và các xí nghiệp khác để đặt kế hoạch nộp các khoản này cho đầy đủ như đã quy định trong công văn số 214-NL/KHTV ngày 25-6-1959 của Bộ Nông lâm (điều 4).

4. Trong khi tiến hành nộp vốn trong định mức và các khoản khác đã quy định trong các điểm